

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31-03-2021
V/v tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Châu Nam Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

Ông Châu Cương.

- Thư ký phiên tòa: ông Châu Kim Sol - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên Tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 290/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2020 về tranh chấp "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997. Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang, có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Lê Minh P, sinh năm 1992. Nơi cư trú: ấp Tân Biên, xã An Nông, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: chị T và P do quen biết trước và tìm hiểu nhau được 04 năm thì quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn, anh P về chung sống với gia đình bên chị tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang được 01 năm thì vợ chồng đi làm ăn xa, sau đó chị về quê sinh sống và sinh được một đứa con. Cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc, anh P lo làm ăn, chăm lo gia đình.

Thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh P thường xuyên chơi cờ bạc, đá gà, không lo làm ăn, không tiếp chăm sóc con, mỗi chi phí nuôi con do đều do chị lo nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, chị T đã nhiều lần khuyên nhưng anh P không nghe, tính nết tật nấy, không sửa đổi, nhiều lần chị và anh P tự hòa giải để hàn gắn tình cảm nhưng không được.

Đến tháng 06 năm 2019 chị T đã bỏ về sống mẹ ruột tại ấp P, xã A, huyện T sinh sống, còn anh P sống tại bên cha mẹ ruột tại ấp T1, xã A, huyện T nên chị và anh P sống ly thân từ đó cho đến ngày hôm nay.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn chị P yêu cầu ly hôn với anh P.

- Về con chung: chị và anh P có một đứa con chung tên Lê Hoàng Nhứt T2, sinh ngày 10/8/2019. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

2. Bị đơn anh Lê Minh P trình bày:

- Về hôn nhân: anh và chị T do quen biết trước và tìm hiểu nhau được khoảng 04 năm, quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Nông, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Sau khi kết hôn anh chung sống với gia đình bên vợ tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh An Giang được khoảng 02 năm thì vợ chồng quyết định đi làm ăn xa, sau đó về quê sinh sống và sinh được một đứa con chung. Cuộc sống chung của vợ chồng ban đầu hạnh phúc.

Thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh có tham gia chơi cờ bạc, đá gà từ lúc chưa cưới cho đến nay, nên vợ chồng cự cãi nhau nhiều lần, vợ anh nhiều lần khuyên và anh đã hứa không chơi cờ bạc nữa nhưng chỉ nghỉ chơi được

một thời gian thì anh có tục chơi, dù được chị T khuyên nhiều lần, nhưng anh không chịu nghe, nay anh hứa sẽ sửa đổi, không còn tham chơi đá gà nữa.

Đến tháng 06 năm 2019 anh và chị T đã ly thân cho đến nay, chị T sống tại ấp P, xã A đến nay, còn anh P sống tại ấp T1, xã A, huyện T.

Anh P còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: có một đứa con chung tên Lê Hoàng Nhứt T2, sinh ngày 10/8/2019. Nếu có ly hôn, anh P đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng con và anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con trưởng thành.

- Về tài sản chung: anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: không có.

Ngày 12 tháng 03 năm 2021, Tòa án mở phiên tòa xét lần thứ nhất nhưng các đương sự vắng mặt nên Tòa án hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh P vắng mặt không có lý do và không ai cung cấp thêm tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

3. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh P chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh P là hôn nhân hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo luật hôn nhân gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị T và anh P không còn hạnh phúc, từ năm 2019 cả hai bỏ mặt không còn quan tâm nhau, không còn chung sống với nhau. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chị T và anh P là rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T.

+ Về quan hệ con chung: chị T và anh P có một đứa con chung tên Lê Hoàng Nhứt T2, sinh ngày 10/8/2019. Khi ly hôn chị T chỉ xin quyền nuôi con, anh P đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng và hiện nay cháu Thiên còn nhỏ nên cần có sự chăm sóc của người mẹ; quá trình tố tụng tại Tòa án, anh P cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng nếu ly hôn; anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi cháu Thiên trưởng thành. Vì vậy, đề nghị giao cháu T2 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và công nhận sự tự nguyện của anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị T, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hôn nhân gia đình về việc xin ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn anh Lê Minh P đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc gặp trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Quan hệ hôn nhân và gia đình giữa chị T và anh P được xác lập vào năm 2017, trong thời điểm Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có hiệu lực, nay phát sinh tranh chấp thì áp dụng pháp luật về hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết theo quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P được xác lập vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân gia đình 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của các đương sự và xác minh tại địa P thì tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh P có phát sinh mâu thuẫn, hiện tại đã sống ly thân nhau từ năm 2019 đến nay, không còn qua lại với nhau.

Nhận thấy , tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị T và anh P đã trầm trọng , đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn là có căn cứ, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận , phù hợp với 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về quan hệ con chung: chị T và anh P có một đứa con chung tên Lê Hoàng Nhút T2, sinh ngày 10/8/2019. Chị T xin quyền nuôi con, anh P đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng. Để ổn định về mọi mặt của con nhỏ, môi trường sống, học tập của con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu Thiên cho chị T nuôi dưỡng.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh P thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người người nuôi con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ, đây sự tự nguyện của anh P đóng góp cùng với chị T trong việc nuôi dưỡng con chung, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị T, anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết và khai không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[8] Bị đơn anh P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai , không trình bày gì thêm và không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án nên không có cơ sở xem xét.

[9] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Chị Nguyễn Thị T là người xin ly hôn nên phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Anh Lê Minh P phải chịu 3000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng đình kỳ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 218; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000;

- Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Lê Minh P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 22, ngày 16/06/2017 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Lê Hoàng Nhứt T2, sinh ngày 10/8/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Minh P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Minh P cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Lê Hoàng Nhứt Thiên, sinh ngày 10/8/2019, mỗi tháng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Thiên trưởng thành (đủ 18 tuổi). Thời gian thực hiện cấp dưỡng được tính kể từ tháng 04 năm 2021.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0009489 ngày 22 tháng 07 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.

- Anh Lê Minh P phải chịu 3000.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm (án phí cấp dưỡng đình kỳ).

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo đề yêu cầu Tòa án tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện;
- UBND xã/ thị trấn nơi đăng ký kết hôn;
- THA huyện;
- Lưu vp, hs.

Châu Nam Phú